

Bản án số: **73/2023/DS-PT**.
Ngày: **26-8-2023**.
V/v Tranh chấp Hợp đồng bảo
hiểm xe cơ giới

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Mạnh Dũng**

Các Thẩm phán: Ông **Bùi Xuân Liêm**

Bà **Nguyễn Thị Liên**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Thị Phương Thúy** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam:** Ông **Lương Quốc Phòng**
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày **26 tháng 8** năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 về "**Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới**".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 125/2022/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33B/2023/QĐXXPT-DS ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Vương Ngọc Á**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- **Bị đơn:** **Tổng Công ty cổ phần B.**

Tên viết tắt: **VNI.**

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà G, C H, Đ, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Trọng D.**

Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Thái Văn C**, bà **Đặng Thị H**

Chức vụ: Chuyên gia và cán bộ Pháp chế Công ty B.

Giấy ủy quyền số: 242/UQ-BHHK ngày 21/9/2022

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà **Vũ Hoàng U**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Bà U ủy quyền cho ông Á tham gia tố tụng.

Ông Á, ông C có mặt. Bà U vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn **Tổng Công ty cổ phần B.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Ngọc Á trình bày:

Ngày 16/12/2018, ông Vương Ngọc Á ký hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số: 03186274/F02 (Hợp đồng bảo hiểm) với Công ty B thuộc Tổng công ty B (VNI) (gọi tắt là B), tài sản được bảo hiểm là xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger biển số kiểm soát 92C- 100.39 do ông Á đứng tên chủ sở hữu, loại bảo hiểm được mua là bảo hiểm tự nguyện xe ô tô và bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô với loại hình bảo hiểm và mức trách nhiệm bảo hiểm gồm: Bảo hiểm tai nạn lái phụ và người ngồi trên xe, số tiền bảo hiểm 20.000.000 đồng/người/vụ, số người 05; bảo hiểm vật chất xe giá trị thực tế 650.000.000đ, số tiền bảo hiểm 650.000.000đ và phí bảo hiểm là 9.966.300đ. Sau khi ký hợp đồng bảo hiểm, ông đã nộp đầy đủ phí bảo hiểm và được bảo hiểm Hàng không B cấp giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số: 001317 ngày 16/12/2018 và giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số 021729 ngày 16/12/2018, thời hạn bảo hiểm tính từ 14 giờ 00 phút ngày 16/12/2018 đến 16 giờ 00 phút ngày 16/12/2019. Sau khi mua bảo hiểm, trong quá trình sử dụng xe ông Á đã thực hiện việc đăng kiểm theo quy định và bảo trì định kỳ theo quy định của nhà sản xuất là Công ty F.

Khoảng 02 giờ ngày 16/07/2019, khi xe đang đậu tại bãi đỗ xe gần nhà thì xe bùng cháy ở phần đầu, người dân phát hiện, hô hoán và tiến hành chữa cháy, đến khoảng 02 giờ 20 phút cùng ngày thì đám cháy được dập tắt. Hậu quả phần đầu xe và khoang động cơ bị nhiệt tác động do đám cháy, phần nhựa và cao su hầu như đều bị cháy, không có thiệt hại về người.

Sau khi xe bị cháy, ngay trong ngày 16/7/2019, ông Á đã liên hệ với bảo hiểm Hàng không B đơn vị trực tiếp ký hợp đồng bảo hiểm, cấp giấy chứng nhận bảo hiểm và được ông Nguyễn Công T – Cán bộ của Bảo hiểm Hàng không B đến giám định hiện trường và hướng dẫn lấy lời khai ban đầu. Ông cũng đã gửi Thông báo tai nạn và hồ sơ yêu cầu bồi thường ngày 16/7/2019 đến Bảo hiểm Hàng không, tiếp theo đó vào các ngày 22/9/2019, 01/10/2019 và 20/12/2019 ông Á tiếp tục gửi đơn yêu cầu Bảo hiểm Hàng không bồi thường nhưng đều bị từ chối với lý do phải đợi kết luận điều tra của Cơ quan điều tra mới xem xét, giải quyết bồi thường. Điều này cho thấy phía Bảo hiểm Hàng không đã cố ý trì hoãn bồi thường, vi phạm nội dung hợp đồng bảo hiểm đã ký, vi phạm các quy định trong Quy tắc bảo hiểm kết hợp xe cơ giới ban hành kèm theo Quyết định số 80/2015/QĐ-BHKK ngày 06/5/2015 của Tổng Công ty Cổ phần B (gọi tắt là Quy tắc 80), vi phạm quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Về trách nhiệm bồi thường: Theo Hợp đồng bảo hiểm và Quy tắc 80 thì phạm vi bảo hiểm xe ô tô BKS 92C-100.39 bị cháy rơi vào rủi ro theo điểm 2, khoản 1, điều 12 thuộc phạm vi bảo hiểm, không thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm theo điều 13 Quy tắc 80 như Bảo hiểm Hàng không đã nêu.

Về giá trị bồi thường: Theo khoản 2 Điều 15 của Quy tắc 80 quy định “VNI bồi

thường tổn thất toàn bộ trong trường hợp xe bị thiệt hại trên 75% giá trị thực tế; hoặc chi phí sửa chữa thiệt hại bằng hoặc trên 75% giá trị thực tế của xe tại thời điểm trước khi xảy ra tổn thất”. Theo kết quả giám định của Công ty G thì giá trị tổn thất của xe ô tô BKS 92C-100.39 là 724.031.850 đồng. Giá trị thiệt hại này cao hơn giá trị thực của xe khi ký hợp đồng bảo hiểm ngày 16/12/2018 nên thuộc trường hợp tổn thất toàn bộ. Khoản 2, Điều 15 của Quy tắc 80 quy định “*Số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ bằng giá trị thực tế của xe trước khi xảy ra tổn thất cùng chủng loại và thông số kỹ thuật và không vượt quá số tiền ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc Hợp đồng bảo hiểm*”. Như vậy Bảo hiểm Hàng không phải giải quyết bồi thường giá trị 650.000.000 đồng như ghi trên giấy chứng nhận và hợp đồng bảo hiểm.

Bảo hiểm Hàng không nêu “Thông báo kết luận giám định số 213/TB-KLGD ngày 03/09/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện N chưa được xem là tài liệu đầy đủ và hợp lệ” là vi phạm khoản 2, điều 10, Quy tắc 80. Khoản 2 Điều 10 Quy tắc 80 quy định: Tài liệu “5” do VNI (Bảo hiểm Hàng không) phối hợp với chủ xe để thu thập khi có yêu cầu trong hồ sơ bồi thường gồm: Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn (nếu có); Biên bản giải quyết vụ tai nạn (nếu có); Bản kết luận điều tra tai nạn (nếu có;”). Trong quy tắc yêu cầu hồ sơ “nếu có” không bắt buộc phải có đầy đủ. Trường hợp nếu yêu cầu hồ sơ phải có thì trách nhiệm thuộc về VNI chứ không phải chủ xe.

Từ sau khi xe bị cháy đến nay, Cơ quan điều tra chưa có văn bản nào yêu cầu giao nộp, lưu giữ chiếc xe. Ông Á cũng đã có đơn yêu cầu B đưa xe đến garage để giám định làm cơ sở bồi thường nhưng Bảo hiểm Hàng không không thực hiện. Việc Bảo hiểm Hàng không nói tài sản (chiếc xe) đang trong quá trình lưu giữ phục vụ khám nghiệm điều tra để trì hoãn bồi thường là không đúng. Tại khoản 1, điều 9, Quy tắc 80 quy định “*Khi xảy ra tổn thất, Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không hoặc người được VNI ủy quyền sẽ tiến hành giám định các tổn thất về tài sản với sự có mặt của chủ xe ... VNI chịu trách nhiệm về chi phí giám định.*”. Như vậy, việc giám định thiệt hại là trách nhiệm của Bảo hiểm Hàng không, nhưng Bảo hiểm Hàng không đã không thực hiện trách nhiệm của mình trong khi xe không bị thu giữ.

Ngoài ra, Bảo hiểm Hàng không đề nghị khi có kết luận chính thức của Cơ quan điều tra mới tiến hành bồi thường là tiếp tục vi phạm điều 8, Quy tắc 80. Bảo hiểm Hàng không viện cớ là chưa xác định được có người phá hoại hay không để trì hoãn bồi thường là không phù hợp. Theo hồ sơ và thực tế thì phạm vi bảo hiểm thuộc Bảo hiểm Hàng không, hồ sơ thuộc trách nhiệm chủ xe đã cung cấp đầy đủ, thời hạn bồi thường cũng đã đến. B phải bồi thường cho chủ xe. Khi có kết luận điều tra cuối cùng, nếu xác định có vi phạm hình sự hoặc lỗi do bên thứ 3 thì Bảo hiểm Hàng không sẽ được thế quyền đòi lại số tiền thiệt hại theo quy định của Pháp luật.

Xét thấy, việc Bảo hiểm Hàng không cố tình từ chối bồi thường với lý do đã nêu là trái với các thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm mà Bảo hiểm Hàng không đã ký, trái với quy định của Quy tắc 80, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp

pháp của mình. Do đó, ông Á khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc Bảo hiểm Hàng không thực hiện bồi thường thiệt hại với các chi phí như gồm:

1. Tổn thất vật chất toàn bộ chiếc xe với số tiền 650.000.000 đồng.
2. Tiền lãi suất chậm trả do Bảo hiểm Hàng không chậm giải quyết bồi thường tổn thất thiệt hại tính từ ngày 02/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 09/11/2022 là 03 năm, 03 tháng với số tiền 211.250.000đ (10% năm);
3. Tiền phí giám định là 27.500.000 đồng.

Đối với các yêu cầu gồm tiền thuê xe sử dụng và tiền lãi suất vay ngân hàng ông Á rút yêu cầu, không tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Thái Văn C trình bày:

Việc giữa B và ông Vương Ngọc Á ký Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số: 03186274/F02, đối tượng được bảo hiểm là xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger biển số kiểm soát 92C-100.39 do ông Vương Ngọc Á đứng tên chủ sở hữu thông qua chi nhánh B với loại bảo hiểm được mua, mức trách nhiệm bảo hiểm và phí bảo hiểm như ông Á trình bày là đúng. Bảo hiểm Hàng không khẳng định không từ chối bồi thường cho ông Á. Tuy nhiên, xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger biển số kiểm soát 92C-100.39, đối tượng được bảo hiểm bị cháy theo kết luận giám định của Cơ quan điều tra là do có sự tác động từ bên ngoài, có dấu hiệu của sự phá hoại và đã ra quyết định khởi tố vụ án nhưng chưa có kết quả, chưa xác định được đối tượng phá hoại, việc xe bị cháy không phải do thiên tai, tai nạn bất ngờ nên không nằm trong phạm vi được bảo hiểm theo quy định tại Điều 12 Quy tắc bảo hiểm số 80; hơn nữa Kết luận tạm đình chỉ điều tra vụ án của Công an tỉnh Q không phải là kết quả điều tra vụ án hình sự, chưa kết luận được có hay không hành vi phá hoại, có thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bồi thường hay không. Do đó, Bảo hiểm Hàng không chưa có căn cứ để bồi thường cho ông Á. Khi nào có kết quả điều tra xác định nguyên nhân cháy không phải là do bị phá hoại, không thuộc trường hợp loại trừ nghĩa vụ bồi thường, khi đó Bảo hiểm Hàng không tiến hành bồi thường cho ông Á theo Hợp đồng đã ký. Tuy nhiên, trên tinh thần đồng hành, chia sẻ khó khăn cùng khách hàng, quá trình giải quyết vụ án, Bảo hiểm Hàng không đã có ý kiến đồng ý ứng trước cho ông Á 50% giá trị bồi thường, khi nào có kết luận chính thức từ cơ quan điều tra thì Bảo hiểm Hàng không tiếp tục bồi thường phần còn lại nhưng ông Á không đồng ý. Do đó đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số **125/2022/DS-ST** ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ các Điều 26, 35, 40, 147, 217, 266, 267, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; các Điều 12, 13, 14, 15, 17, 18, 28, 29, 40, 41, 46, 47, 48 và 49 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH13 ngày 30/12/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vương Ngọc Á

đối với bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B (VNI) về việc “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới*”.

- Buộc Tổng Công ty Cổ phần B (VNI) bồi thường cho ông Vương Ngọc Á, bà Vũ Hoàng U tiền bảo hiểm vật chất xe ô tô biển số kiểm soát 92C-100.39 bị cháy ngày 16/07/2019 số tiền **650.000.000** đồng và tiền lãi chậm trả **199.096.000** đồng. Tổng cộng là **849.096.000** đồng;

- Buộc Tổng Công ty Cổ phần B (VNI) trả lại cho ông Vương Ngọc Á tiền chi phí giám định **27.500.000** đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Vương Ngọc Á về việc buộc Tổng công ty Cổ phần B (VNI) trả lãi do chậm bồi thường số tiền **12.154.000** đồng.

- Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu chi phí thuê xe để sử dụng và tiền lãi vay ngân hàng của nguyên đơn ông Vương Ngọc Á.

- Ông Vương Ngọc Á, bà Vũ Hoàng U có nghĩa vụ chuyển giao giấy đăng ký xe ô tô và quyền sở hữu xe ô tô biển số kiểm soát 92C-100.39 cho Tổng Công ty Cổ phần B (VNI) ngay sau khi Tổng Công ty Cổ phần B (VNI) thực hiện xong việc bồi thường;

- Ông Á, bà U có trách nhiệm bảo lưu quyền khiếu nại, chuyển giao quyền đòi bồi thường cho Tổng Công ty Cổ phần B (VNI) kèm theo toàn bộ hồ sơ, tài liệu cần thiết và phối hợp chẽ với Tổng Công ty Cổ phần B (VNI) trong việc đòi lại người thứ ba trong phạm vi số tiền mà Tổng Công ty Cổ phần B (VNI) đã bồi thường nếu có;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/11/2022, bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B (VNI) có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 06/12/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS, đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm số **125/2022/DS-ST** ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đề tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số **125/2022/DS-ST** ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B (VNI) thì thấy:

[2.1] Xét tính có hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số: 03186274/F02 ngày 16/12/2018 giữa ông Vương Ngọc Á và Tổng công ty Cổ phần B và thời điểm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm:

Ngày 16/12/2018, giữa ông Vương Ngọc Á và Công ty B thuộc Tổng công ty Cổ phần B ký Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số: 03186274/F02, tài sản được bảo hiểm là xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger biển số kiểm soát 92C-100.39 do ông Á đứng tên chủ sở hữu; bảo hiểm vật chất xe giá trị thực tế 650.000.000 đồng, số tiền bảo hiểm 650.000.000 đồng và phí bảo hiểm là 9.966.300 đồng. Sau khi ký hợp đồng, ông Á đã nộp phí bảo hiểm và được Công ty B cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số: 001317, ngày 16/12/2018, thời hạn bảo hiểm là 12 tháng tính từ 14 giờ 00 phút ngày 16/12/2018 đến 16 giờ 00 phút ngày 16/12/2019.

Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ các điều 12, 13 và 14 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 thì Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số: 03186274/F02, tài sản được bảo hiểm là xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger biển số kiểm soát 92C-100.39 được ký kết ngày 16/12/2018 giữa ông Vương Ngọc Á và Công ty B thuộc Tổng công ty Cổ phần B1 không có hiệu lực pháp luật, có giá trị bắt buộc thi hành đối với các bên và thời điểm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm đối với Bảo hiểm Hàng không tính từ ngày 16/12/2018 là có cơ sở.

[2.2] Về hưởng quyền bảo hiểm: Tại Điều 7 Hợp đồng bảo hiểm ngày 16/12/2018, quy định người hưởng quyền bảo hiểm là Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Q. Tuy nhiên, ngày 25/6/2020, Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Q xác nhận Hợp đồng tín dụng do ông Vương Ngọc Á, bà Vũ Hoàng U vay tại Ngân hàng với tài sản thế chấp, bảo đảm khoản vay là xe ô tô biển số kiểm soát 92C-100.39 đã được giải chấp. Do đó, cấp sơ thẩm xác định người thụ hưởng bảo hiểm trong Hợp đồng bảo hiểm ngày 16/12/2018 là ông Á, bà U là có cơ sở.

[2.3] Về sự kiện bảo hiểm: Theo nguyên đơn ông Á trình bày thì khoảng 02 giờ ngày 16/07/2019, khi đang đậu tại bãi đỗ xe, xe ô tô biển số kiểm soát 92C-100.39 bùng cháy; tại Thông báo số: 94/TB-CSĐT ngày 10/3/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện N, tỉnh Quảng Nam và Công văn số 685/CSHS- Đ4 ngày 13/5/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Q thể hiện ngày 16/7/2019, tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam có xảy ra việc xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, biển số kiểm soát 92C-100.39 bị cháy và hiện đang được điều tra, xác minh, làm rõ và tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/9/2020 cho thấy phần đầu xe của xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, biển số kiểm soát 92C-100.39 đang đậu tại bãi đất trống thuộc thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam bị cháy xém ở phần đầu xe; đại diện bị đơn thừa nhận biết việc xe ô tô bị cháy. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm xác định

xe ô tô biển số kiểm soát 92C-100.39 đối tượng của hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới bị cháy là sự kiện bảo hiểm đã phát sinh là đúng.

[2.4] Về loại trừ bảo hiểm:

Tại khoản 1, Điều 13 Quy tắc số 80 của Bảo hiểm Hàng không quy định: Bảo hiểm Hàng không không chịu trách nhiệm bồi thường bảo hiểm trong một số trường hợp, trong đó có trường hợp: *“Hành động cố ý gây thiệt hại của chủ xe, người điều khiển xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác và sử dụng xe.”*.

Theo Bản kết luận giám định số 788/C09C (Đ3, Đ4) ngày 14/8/2019 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng và theo Kết luận giám định lại số 6995/C09 – P2 ngày 06/12/2019 của V Bộ C1 xác định xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, biển số kiểm soát 92C-100.39 bị cháy là do con người gây ra. Do đó, ngày 20/12/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện N đã ra Quyết định khởi tố vụ án “Hủy hoại tài sản” số 03/QĐ đối với vụ việc trên, đồng thời chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q để điều tra, xử lý theo thẩm quyền. Do chưa xác định được ai là người gây ra vụ cháy nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự. Đến nay Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Q chưa có kết luận điều tra vụ án về việc xe ô tô bị cháy, chưa xác định được ai là người phá hoại nên không có cơ sở xác định có hay không *“Hành động cố ý gây thiệt hại của chủ xe, người điều khiển xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác và sử dụng xe”* như khoản 1 Điều 13 Quy tắc số 80 đã quy định; hơn nữa, tại khoản 8 Điều 7 Quy tắc số 80, điểm e khoản 1 Điều 17, Điều 49 Luật kinh doanh bảo hiểm đã quy định rõ việc bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho Bảo hiểm Hàng không trong trường hợp có liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba hoặc yêu cầu người được bồi thường trả lại tiền đã nhận bồi thường và bồi thường thiệt hại nếu họ có lỗi trong việc phát sinh sự kiện bảo hiểm theo quy định của pháp luật. Do đó, có thể thấy quyền lợi của Bảo hiểm Hàng không luôn được bảo đảm ngay cả trong trường hợp sau khi chi trả tiền bồi thường cho ông Á mà Cơ quan điều tra kết luận, xác định được người thứ ba hoặc chính ông Á có lỗi trong việc xe ô tô bị cháy. Như vậy, trường hợp của ông Á không thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm theo khoản 1, Điều 13 Quy tắc số 80.

[2.5] Về mức độ và giá trị thiệt hại: Theo Bảng báo cáo giám định về tổn thất xe ô tô ngày 07/4/2022 của Công ty G, trụ sở A N, thành phố T, tỉnh Quảng Nam giám định giá trị thiệt hại của xe ô tô là 724.031.851 đồng. Các giá trị trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo đến Bảo hiểm Hàng không, Bảo hiểm Hàng không có văn bản trả lời không đồng ý với báo giá và báo cáo giá trị xe ô tô bị thiệt hại nêu trên. Tuy nhiên, Bảo hiểm Hàng không đã không thực hiện việc giám định theo quy định cũng không yêu cầu giám định độc lập. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Bảo hiểm Hàng không thừa nhận tình trạng thiệt hại của xe ô tô trên 75% là đúng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Báo cáo giám định về tổn thất xe ô tô ngày 07/4/2022 của Công ty G do nguyên đơn cung cấp, xác định mức độ thiệt hại của xe ô tô BSKS 92C-100.39 là 100%

so với giá trị xe lúc ký hợp đồng bảo hiểm là 650.000.000 đồng là có cơ sở.

[2.6] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Vương Ngọc Á buộc Tổng công ty Cổ phần B bồi thường toàn bộ giá trị xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger biển số kiểm soát 92C-100.39 bị cháy theo Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới đã ký ngày 16/12/2018 với số tiền 650.000.000 đồng thì thấy:

Căn cứ Hợp đồng bảo hiểm ngày 16/12/2018 và Giấy chứng nhận bảo hiểm thì thời điểm xe ô tô bị cháy trong thời gian được bảo hiểm; ngay sau khi sự kiện bảo hiểm phát sinh ngày 16/7/2019, ông Á đã thực hiện các thủ tục theo đúng quy định tại Điều 6 Hợp đồng và Điều 18 Luật kinh doanh bảo hiểm và được nhân viên Bảo hiểm Hàng không B đến hướng dẫn lấy lời khai, giữ nguyên hiện trường vụ cháy, thông báo đến cơ quan chức năng, gửi đơn cùng hồ sơ yêu cầu bồi thường.

Sau khi nhận được đơn và hồ sơ yêu cầu bồi thường của ông Á, tại các Văn bản số: 99/BHHK-VNI ĐN ngày 26/9/2019, số: 2192/BHHK-GĐBT ngày 11/10/2019, số: 2671/BHHK-GĐBT ngày 25/12/2019, trả lời ông Á về việc giải quyết bồi thường liên quan đến tổn thất xe 92C-100.39 của Bảo hiểm B và Tổng công ty Cổ phần B thì không có nội dung thể hiện hồ sơ yêu cầu bồi thường của ông Á là chưa đầy đủ và hướng dẫn hay yêu cầu ông Á bổ sung tài liệu, hồ sơ mà chỉ có nội dung “*Đợi kết quả điều tra của cơ quan điều tra*”; hơn nữa, căn cứ chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ cho thấy sau khi sự việc xảy ra, ông Á đã cung cấp đầy đủ tài liệu, hồ sơ yêu cầu bồi thường cho Bảo hiểm Hàng không theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy tắc 80, quy định hồ sơ bồi thường. Do vậy, việc Bảo hiểm Hàng không cho rằng hồ sơ yêu cầu bồi thường của ông Á “chưa đầy đủ” là không phù hợp.

Từ những căn cứ trên cho thấy việc Bảo hiểm Hàng không viện lý do: Hồ sơ yêu cầu bồi thường của ông Á là chưa đầy đủ hay chờ kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Q xác định về việc xe ô tô BSKS 92C-100.39 bị cháy do ai gây ra mới tiến hành xem xét bồi thường, trong khi Cơ quan điều tra đã có quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án; ông Á đã gửi đơn, hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ và trong thời hạn quy định. Các tài liệu có trong hồ sơ không có chứng cứ nào chứng minh việc xe bị cháy là do “*Hành động cố ý gây thiệt hại của chủ xe, người điều khiển xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác và sử dụng xe*” thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bồi thường.

Do vậy, việc ông Á yêu cầu Bảo hiểm Hàng không có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại vật chất xe ô tô theo Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới đã ký ngày 16/12/2018 là có căn cứ nên được chấp nhận. Vì giá trị thiệt hại của xe như đã nêu là 100%, lớn hơn giá trị thiệt hại quy định trong Quy tắc 80 là 75% nên cần buộc Bảo hiểm Hàng không có trách nhiệm bồi thường cho ông Á bằng 100% mức bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tương đương số tiền 650.000.000 đồng.

[2.7] Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả:

Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi sự kiện bảo hiểm xảy ra, ông Á đã nộp đơn và hồ sơ yêu cầu bồi thường, thực hiện đúng đầy đủ, nghĩa vụ của mình. Bảo hiểm

Hàng không biết việc xe ô tô bị cháy, biết sự kiện bảo hiểm phát sinh cũng như đã nhận đơn và hồ sơ yêu cầu bồi thường của ông Á, thừa nhận thiệt hại của xe sau khi bị cháy là trên 75% nhưng không thực hiện việc chi trả tiền bồi thường cho ông Á đúng thời hạn là trái với quy tại Điều 6 của Hợp đồng bảo hiểm, trái với quy định tại các Điều 8, 9, 12 và 15 Quy tắc 80, điểm c khoản 2 Điều 17 Luật kinh doanh bảo hiểm và nguyên tắc thiệt hại phải được bồi thường nhanh chóng, kịp thời theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy việc ông Á yêu cầu Bảo hiểm Hàng Không trả tiền lãi do chậm trả tiền bồi thường với mức lãi suất 10%/năm là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Tuy nhiên, về thời gian tính lãi chậm trả: Tại khoản 2 Điều 8 Quy tắc số 80 quy định “*Bảo hiểm Hàng không có trách nhiệm trả tiền trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu đầy đủ, hợp lệ; không quá 30 ngày trong trường hợp VNI phải tiến hành xác minh hồ sơ. Trong trường hợp VNI không đủ thẩm quyền để xác minh các yếu tố có trong hồ sơ thì hồ sơ bồi thường được coi là đầy đủ, hợp lệ sau khi có kết luận chính thức của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Sau 90 ngày kể từ ngày VNI có công văn đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xác minh mà chưa có kết quả xác minh thì VNI phải chủ động xác minh, xem xét, bồi thường*”. Như vậy, thời hạn để Bảo hiểm Hàng không thực hiện việc chi trả tiền bảo hiểm trong trường hợp VNI có công văn đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xác minh mà chưa có kết quả xác minh thì VNI phải chủ động xác minh, xem xét, bồi thường là 90 ngày kể từ ngày VNI có công văn đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xác minh. Trong vụ án này Công ty cổ phần B ban hành Công văn số 100/BHHK-VNI ĐN ngày 26/9/2019 gửi Cơ quan Công an huyện N và Cơ quan Cảnh sát điều tra được xác định là *Công văn đầu tiên đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xác minh* nên thời điểm tính lãi được tính từ ngày 26/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 09/11/2022 là 02 năm 10 tháng 14 ngày với số tiền bảo hiểm 650.000.000 đồng, mức lãi là 10%/năm. Nên tiền lãi mà Công ty B phải trả cho ông Á là 186.808.219 đồng. Việc cấp sơ thẩm tính lãi kể từ thời điểm 90 ngày tính từ ngày Bảo hiểm Hàng không nhận được đơn kèm theo hồ sơ yêu cầu bồi thường của ông Á là ngày 16/7/2019 tức là tính lãi từ ngày 16/10/2019 là không đúng quy định tại Khoản 2 Điều 8 Quyết định số 80/2015/QĐ-BHHK ngày 6/5/2015 của Công ty B.

Do đó Cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của Tổng Công ty cổ phần B sửa phần tính lãi chậm trả của bản án sơ thẩm.

[2.8] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam: Đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 125/2022/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

HĐXX xét thấy:

- Tòa án nhân dân huyện Núi Thành thụ lý giải quyết vụ án về “*Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới*” giữa ông Vương Ngọc Á và Tổng Công ty cổ phần B là đúng thẩm quyền theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Căn cứ pháp lý

ông Vương Ngọc Á khởi kiện là Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số: 03186274/F02 ngày 16/12/2018 ký kết giữa Công ty B thuộc Tổng công ty B (VNI) với ông Vương Ngọc Á. Về quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được tiến hành cùng với việc giải quyết vụ án hình sự là giải quyết về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Nên vụ việc cháy xe ô tô đã được Cơ quan điều tra Công an huyện N khởi tố vụ án hình sự và chuyển hồ sơ đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q, do đã hết thời hạn điều tra nhưng chưa xác định được bị can nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q ban hành Quyết định Tạm đình chỉ điều tra số 14/TB-CSHS ngày 22/12/2020, không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án về “*Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới*” giữa ông Vương Ngọc Á và Tổng Công ty cổ phần B.

Về việc tính sai thời điểm tính lãi suất bồi thường thiệt hại do chậm thanh toán tiền bảo hiểm của cấp sơ thẩm đối với Tổng Công ty cổ phần B, đã được HĐXX chấp nhận và nhận định trong phần [2.7].

Đối với nội dung cấp sơ thẩm đã tuyên: “*Nguyên đơn có trách nhiệm bảo lưu quyền khiếu nại, chuyển giao quyền đòi bồi thường cho bị đơn kèm theo toàn bộ hồ sơ, tài liệu cần thiết và phối hợp chặt chẽ với bị đơn trong việc đòi lại người thứ 3 trong phạm vi số tiền mà Bị đơn đã bồi thường nếu có*” là đúng quy định của pháp luật như đã phân tích tại mục [2.4].

Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Tổng công ty cổ phần B và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, sửa bản án sơ thẩm số 125/2022/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

[2.8] Về chi phí tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, ông Vương Ngọc Á yêu cầu Công ty TNHH G định giá tài sản thiệt hại là xe ô tô biển số kiểm soát 92C-100.39 với số tiền phí giám định là 27.500.000đồng, ông Á yêu cầu Bảo hiểm Hàng không hoàn trả lại cho ông. Xét thấy, do yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Bảo hiểm Hàng không bồi thường tổn thất vật chất xe ô tô theo hợp đồng bảo hiểm được chấp nhận nên bị đơn Bảo hiểm Hàng Không phải chịu chi phí giám định. Hiện chi phí giám định này nguyên đơn ông Á đã trả cho Công ty TNHH G nên cần buộc Bảo hiểm Hàng K hoàn trả lại số tiền trên cho ông Vương Ngọc Á theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn Công ty B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận theo quy định.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của Công ty B được chấp nhận một phần, nên nguyên đơn ông Vương Ngọc Á phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty B, và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 125/2022/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ các Điều 26, 35, 40, 147, 217, 266, 267, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; các Điều 12, 13, 14, 15, 17, 18, 28, 29, 40, 41, 46, 47, 48 và 49 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH13 ngày 30/12/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Buộc Tổng công ty Cổ phần B (VNI) bồi thường cho ông Vương Ngọc Á, bà Vũ Hoàng U tiền bảo hiểm vật chất xe ô tô biển số kiểm soát 92C-100.39 bị cháy ngày 16/07/2019 theo Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số: 03186274/F02 ngày 16/12/2018 ký kết giữa Công ty B thuộc Tổng công ty B (VNI) với ông Vương Ngọc Á số tiền 650.000.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi chậm trả 186.808.219 đồng (*Một trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm lẻ tám nghìn hai trăm mười chín đồng*). Tổng cộng là 836.808.219 đồng (*T1 trăm ba mươi sáu triệu tám trăm lẻ tám nghìn hai trăm mười chín đồng*);

Buộc Tổng công ty Cổ phần B (VNI) trả lại cho ông Vương Ngọc Á tiền chi phí giám định 27.500.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Vương Ngọc Á về việc buộc Tổng công ty Cổ phần B (VNI) trả lãi do chậm bồi thường số tiền 24.441.781 đồng (*Hai mươi tư triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm tám mươi một đồng*).

Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu chi phí thuê xe để sử dụng và tiền lãi vay ngân hàng của nguyên đơn ông Vương Ngọc Á.

Ông Vương Ngọc Á, bà Vũ Hoàng U có nghĩa vụ chuyển giao giấy đăng ký xe ô tô và quyền sở hữu xe ô tô biển số kiểm soát 92C-100.39 cho Tổng Công ty Cổ phần B (VNI) ngay sau khi Tổng Công ty Cổ phần B (VNI) thực hiện xong việc bồi thường;

Ông Á, bà U có trách nhiệm bảo lưu quyền khiếu nại, chuyển giao quyền đòi bồi thường cho Tổng Công ty Cổ phần B (VNI) kèm theo toàn bộ hồ sơ, tài liệu cần thiết và phối hợp chế với Tổng Công ty Cổ phần B (VNI) trong việc đòi lại người thứ ba trong phạm vi số tiền mà Tổng Công ty Cổ phần B (VNI) đã bồi thường nếu có;

Án phí dân sự sơ thẩm Tổng Công ty Cổ phần B (VNI) phải chịu là 37.104.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu một trăm lẻ bốn nghìn đồng*).

Án phí dân sự sơ thẩm ông Vương Ngọc Á phải chịu là 1.222.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Trả lại cho ông Á 15.086.000 đồng (*Mười lăm triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004605 ngày 12/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, Quảng Nam.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vương Ngọc Á phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bị đơn Công ty B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011469 ngày 30/11/2022.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (26/8/2023).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện Núi Thành;
- Chi cục THADS huyện Núi Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Mạnh Dũng